



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 6

Số 47 (01/6/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

THÀNH PHỐ

- | | | |
|-----------|---|---|
| 20-5-2008 | Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện. | 3 |
| 20-5-2008 | Quyết định số 2173/QĐ-UBND về ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2008. | 6 |

QUẬN 9

- | | | |
|-----------|--|----|
| 21-5-2008 | Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn quận 9. | 24 |
|-----------|--|----|

- 21-5-2008 - Chỉ thị số 04/2008/CT-UBND về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng - an ninh toàn dân trước tình hình mới trên địa bàn quận 9. 32

QUẬN PHÚ NHUẬN

- 23-5-2008 - Quyết định số 435/2008/QĐ-UBND ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng phường trên địa bàn quận Phú Nhuận. 34

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về tổ chức các cơ quan chuyên môn
thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 267/TTr-SNV ngày 09 tháng 5 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sắp xếp lại tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện, theo danh mục đính kèm.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức; vị trí và chức năng; nhiệm vụ, quyền hạn; chế độ làm việc và trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng theo quy định.

Điều 3. Tổng biên chế, quỹ lương hành chính của quận - huyện do Ủy ban nhân

dân thành phố giao theo chỉ tiêu kế hoạch hàng năm; Ủy ban nhân dân quận - huyện căn cứ vào tổng biên chế được giao và tình hình thực tế của quận - huyện để phân bổ biên chế cho các cơ quan chuyên môn phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ công tác của địa phương.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nội vụ hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này và chủ trì phối hợp các sở - ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện xây dựng quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định thực hiện việc sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn theo quy định tại Quyết định này; chịu trách nhiệm xây dựng và phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện theo quy chế (mẫu) sau khi Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 341/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện và Quyết định số 120/2006/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Phòng Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**DANH MỤC CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN - HUYỆN**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận:

1. Phòng Nội vụ;
2. Phòng Tư pháp;
3. Phòng Tài chính - Kế hoạch;
4. Phòng Tài nguyên và Môi trường;
5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
6. Phòng Văn hóa và Thông tin;
7. Phòng Giáo dục và Đào tạo;
8. Phòng Y tế;
9. Thanh tra quận;
10. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;
11. Phòng Kinh tế;
12. Phòng Quản lý đô thị.

II. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện:

1. Phòng Nội vụ;
2. Phòng Tư pháp;
3. Phòng Tài chính - Kế hoạch;
4. Phòng Tài nguyên và Môi trường;
5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
6. Phòng Văn hóa và Thông tin;
7. Phòng Giáo dục và Đào tạo;
8. Phòng Y tế;
9. Thanh tra huyện;
10. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;
11. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
12. Phòng Công Thương.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2173/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2008

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2007/TTLT-BTP-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 17/2007/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét ý kiến của Sở Tư pháp tại Văn bản số 948/STP-VB ngày 07 tháng 4 năm 2008 và ý kiến của các cơ quan liên quan tại cuộc họp ngày 09 tháng 5 năm 2008 do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2008 gồm 77 văn bản (theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2.

1. Phê duyệt dự toán kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2008, là: 346.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu triệu đồng) và kinh phí xây dựng Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2008 là: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Tổng kinh phí phê duyệt là: 351.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi một triệu đồng), được bố trí từ ngân sách hàng năm của thành phố và ngoài kinh phí khoán của các cơ quan.

2. Đối với những văn bản quy phạm pháp luật được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành ngoài Phụ lục kèm theo Quyết định này, cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất kinh phí theo định mức quy định tại Thông tư liên tịch số 09/2007/TTLT-BTP-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính.

Sở Tư pháp tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt bổ sung kinh phí 6 tháng một lần.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm tiếp tục cấp kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Chương trình lập quy năm 2007 đã được phê duyệt theo Quyết định số 3760/QĐ-UBND và cấp kinh phí hỗ trợ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 được phê duyệt theo Quyết định này cho Sở Tư pháp để thống nhất quản lý; đồng thời hướng dẫn các cơ quan thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm thanh toán kinh phí cho cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản theo định mức được duyệt và kết quả thực hiện.

Điều 3.

1. Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm triển khai thực hiện việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đúng kế hoạch, thời gian và sử dụng kinh phí đúng mục đích, nội dung, chế độ đã quy định.

2. Giao Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này và báo cáo tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố hàng năm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thành Tài

PHỤ LỤC
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG, BAN HÀNH MỚI TRONG NĂM 2008

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: đồng

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
1	Quyết định	Ban hành bảng giá biểu thu viện phí ngoài các danh mục quy định tại Thông tư số 14/TTLB ngày 30/9/1995 và Thông tư số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTBXH ngày 06/01/2006	Sở Y tế	Sở Tài chính; Sở LĐ-TB và XH	Quý II/2008	5.000.000	Sở Y tế
2	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 132/2006/QĐ-UB ngày 05/9/2006 của UBND TP ban hành quy trình tiếp dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo trên địa bàn thành phố	Thanh tra TP	Văn phòng Tiếp công dân TP	Quý III/2008	5.000.000	Thanh tra TP
3	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 63/2007/QĐ-UBND ngày 24/4/2007 của UBND TP ban hành các biểu mẫu nghiệp vụ tiếp công dân, xử lý đơn giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo trên địa bàn thành phố	Thanh tra TP	Văn phòng Tiếp công dân TP	Quý IV/2008	5.000.000	Thanh tra TP

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
4	Quyết định	Quy định về lắp đặt mới, cải tạo và quản lý hệ thống đèn chiếu sáng dân lập trên địa bàn thành phố (Thay thế Quyết định số 11/2003/QĐ-UB ngày 23/01/2003 của UBND TP)	Sở Giao thông - Công chính	Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Công nghiệp; Công ty Điện lực TP.HCM	Quý II/2008	5.000.000	Sở Giao thông - Công chính
5	Quyết định	Quy định tạm thời về công tác kiểm định cầu đường bộ khu vực TPHCM (thay thế Quyết định số 24/2003/QĐ-UB ngày 03/3/2003 của UBND TP)	Sở Giao thông - Công chính	Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2008	5.000.000	Sở Giao thông - Công chính
6	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 114/2004/QĐ-UB ngày 23/4/2004 về quản lý, giúp đỡ người sau cai nghiện hoà nhập cộng đồng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Lực lượng TNXP, Sở Tư pháp, UBND quận, huyện	Quý III/2008	5.000.000	UBND quận 3
7	Quyết định	Quy định về vận chuyển khách du lịch tham quan bằng xe buýt trên địa bàn thành phố	Sở Giao thông - Công chính	Sở Tư pháp; Sở Du lịch; Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý III/2008	5.000.000	Sở Giao thông - Công chính
8	Quyết định	Quy định về hoạt động đối với phương tiện thủy nội địa thô sơ có trọng tải toàn phần dưới 01 tấn hoặc có sức chở dưới 05 người hoặc bè hoạt động trên đường thủy nội địa	Sở Giao thông - Công chính	Công an TP; Sở Tư pháp	Quý III/2008	5.000.000	Sở Giao thông - Công chính; Công an TP

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
9	Quyết định	Ban hành mức thu phí qua đò đối với hoạt động tại các bến khách ngang sông trên địa bàn thành phố	Sở Giao thông - Công chính	Sở Tài chính; Sở Tư pháp	Quý II/2008	5.000.000	Sở Giao thông - Công chính
10	Chỉ thị	Chỉ thị thực hiện Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn thành phố	Sở Giao thông - Công chính	Sở NN và PTNT; Sở Xây dựng; Sở KH - ĐT	Quý IV/2008	2.000.000	Sở Giao thông - Công chính
11	Chỉ thị	Chỉ thị thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn thành phố	Sở Giao thông - Công chính	Sở NN và PTNT; Sở KH - ĐT; TCT Cấp nước Sài Gòn	Quý IV/2008	2.000.000	Sở Giao thông - Công chính
12	Quyết định	Ban hành khung theo dõi và đánh giá dựa trên kết quả tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 của Thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các quận huyện; cơ quan, đơn vị trực thuộc TP	Quý II/2008	5.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
13	Quyết định	Ban hành kế hoạch chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội của thành phố năm 2008	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các quận, huyện; cơ quan, đơn vị trực thuộc TP	Quý II/2008	5.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
14	Quyết định	Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi tiêu đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước đến 2010	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
15	Chỉ thị	Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2008	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành; UBND các quận huyện; các TCT trực thuộc TP	Quý III/2008	2.000.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
16	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 144/2003/QĐ-UB ngày 11/8/2003 về quy hoạch phát triển hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn thành phố đến năm 2010	Sở Thương mại	UBND các quận, huyện; Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Quý II/2008	5.000.000	Sở Thương mại
17	Chỉ thị	Tăng cường công tác cứu hộ, cứu nạn trong đám cháy và một số trường hợp khác trên địa bàn thành phố	Sở Cảnh sát PC&CC	Sở Tư pháp; Văn phòng HĐND và UBND TP	Quý II/2008	2.000.000	Sở Cảnh sát PC&CC TP
18	Quyết định	Về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND ngày 30/3/2007 của UBND TP “Quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại TP HCM”	Sở Xây dựng	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Tư pháp	Quý II/2008	5.000.000	Sở Xây dựng, UBND quận Gò Vấp

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
19	Quyết định	Ban hành Quy chế phối hợp giữa Thanh tra Xây dựng Sở Xây dựng với Thanh tra Xây dựng quận, huyện, phường, xã, thị trấn	Sở Xây dựng	UBND các quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	Sở Xây dựng
20	Chỉ thị	Chấn chỉnh, xử lý tình hình sang nhượng, mua bán phiếu tái định cư; hồ sơ đền bù, chuyển nhượng trái phép quỹ nhà, đất tái định cư trên địa bàn thành phố	Sở Xây dựng	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND quận, huyện	Quý II/2008	2.000.000	Sở Xây dựng
21	Chỉ thị	Quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố	Sở Xây dựng	Sở Tài chính	Quý II/2008	2.000.000	Sở Xây dựng
22	Chỉ thị	Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn thành phố	Sở Xây dựng	Sở KH - ĐT; Sở Tài chính; Sở Tư pháp; UBND quận, huyện	Quý II/2008	2.000.000	Sở Xây dựng
23	Quyết định	Ban hành quy định về định mức chi phí lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu trên địa bàn thành phố	Sở Xây dựng	Sở KH - ĐT; Sở Tài chính; Sở Tư pháp; UBND quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	Sở Xây dựng

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
24	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài và chi phí thuê tư vấn nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn thành phố	Sở Xây dựng	Sở KH - ĐT; Sở Tài chính; Cục Thuế TP; các BQL dự án trực thuộc UBND TP; các Tổng Công ty; UBND quận, huyện	Quý IV/2008	5.000.000	Sở Xây dựng
25	Chỉ thị	Sửa đổi, bổ sung Chỉ thị số 24/2004/CT-UB ngày 31/8/2004 của UBND TP về đầu tư và xây dựng 30.000 căn hộ chung cư dành cho việc tái định cư trên địa bàn thành phố	Sở Xây dựng	Sở KH-ĐT; Sở Tài chính; Sở Tư pháp; Cục thuế TP; UBND quận, huyện	Quý II/2008	2.000.000	Sở Xây dựng
26	Quyết định	Ban hành quy hoạch, quy định về xây dựng các công trình ngầm	Sở Xây dựng	Sở TN và MT; Sở QH - KT	Quý IV/2008	5.000.000	UBND quận 3
27	Quyết định	Quy định về công tác kiểm tra sau khi cấp giấy phép xây dựng và các biện pháp ngăn chặn, đình chỉ hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng	Sở Xây dựng	UBND quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	UBND quận 5
28	Nghị quyết của HĐND	Về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2008	Sở Tài chính		Quý II/2008	5.000.000	Sở Tài chính

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
29	Quyết định	Về giao dự toán ngân sách năm 2008 chi tiêu thu chi	Sở Tài chính		Quý II/2008	5.000.000	Sở Tài chính
30	Quyết định	Về quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố	Sở Tài chính	UBND quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	Sở Tài chính
31	Quyết định	Về bồi thường đất do Nhà nước trực tiếp quản lý, thu tiền sử dụng đất và khấu trừ tiền bồi thường đất, hỗ trợ đất vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp trên địa bàn thành phố	Sở Tài chính	Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục Thuế TP	Quý II/2008	5.000.000	Sở Tài chính
32	Quyết định	Ban hành quy định về trình tự, thủ tục và nội dung lập dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2008	5.000.000	Sở Tài chính
33	Quyết định	Ban hành quy chế định mức xe chuyên dùng của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	Sở Tài chính	Các sở, ngành	Quý II/2008	5.000.000	Sở Tài chính
34	Quyết định	Phương án hạ tải đối với phương tiện vận tải, khai thác khoáng sản trên đường thủy nội địa, chở hàng quá trọng tải cho phép; xử lý triệt để phương tiện không đăng ký, đăng kiểm, không đảm bảo điều kiện kinh doanh, điều kiện hành nghề	Sở Giao thông - Công chính	Công an TP	Quý II/2008	5.000.000	Công an TP

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
35	Quyết định	Quy định về thành lập và một số chế độ, chính sách, trang bị, phương tiện làm việc của lực lượng bảo vệ dân phố	Công an thành phố	Sở Nội vụ; Sở LĐ-TB và XH; Sở Tài chính; UBND các quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	Công an TP
36	Quyết định	Quy định về phòng, chống bệnh dại ở động vật và quản lý chó mèo nuôi trên địa bàn thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành; UBND các quận, huyện	Quý III/2007	5.000.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
37	Quyết định	Quy định về khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi (thay thế Quyết định số 3522/QĐ-UB-KT ngày 30/7/1996 của UBND TP)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành; UBND các quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
38	Quyết định	Quy định kiểm tra, chứng nhận chất lượng thực phẩm rau, củ, quả và sản xuất rau an toàn trên địa bàn thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành; UBND các quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
39	Chỉ thị	Phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn thành phố	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành; UBND các quận, huyện	Quý II/2008	2.000.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
40	Chỉ thị	Phòng chống cháy rừng mùa khô năm 2008	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành; UBND các quận, huyện	Quý II/2008	2.000.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
41	Quyết định	Về ban hành Chương trình phát triển công nghệ thông tin - truyền thông giai đoạn 2007 – 2010	Sở Bưu chính, Viễn Thông		Quý III/2008	5.000.000	Sở Bưu chính, Viễn Thông
42	Quyết định	Về phê duyệt kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Thành phố đoạn 2008 - 2010	Sở Bưu chính, Viễn Thông		Quý II/2008	5.000.000	Sở Bưu chính, Viễn Thông
43	Quyết định	Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm thành phố giai đoạn 2007 - 2010, tầm nhìn 2020	Sở Bưu chính, Viễn Thông		Quý II/2008	5.000.000	Sở Bưu chính, Viễn Thông
44	Quyết định	Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 89/2006/QĐ-UBND về Quy chế hoạt động của Sở Bưu chính, Viễn Thông	Sở Bưu chính, Viễn Thông		Quý II/2008	5.000.000	Sở Bưu chính, Viễn Thông
45	Quyết định	Kế hoạch triển khai thực hiện Quy định về danh mục vị trí công tác và thời gian định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 27/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ; quy định về tuyển dụng cán bộ công chức công khai	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND các quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
46	Quyết định	Củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan làm nhiệm vụ cấp phép đăng ký kinh doanh, đầu tư	Sở Nội vụ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
47	Nghị quyết, Quyết định	Triển khai thực hiện Đề án Thí điểm chính quyền đô thị thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa X và Kết luận số 15-KL/TW ngày 18/10/2007 của Bộ Chính trị	Sở Nội vụ	Viện Kinh tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
48	Quyết định	Phương án kiện toàn và sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc thành phố, quận - huyện theo các Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ phù hợp với đặc thù của Thành phố	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND các quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
49	Quyết định	Giải pháp đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước trong các lĩnh vực theo hướng mỗi việc do một ngành, một cấp thực hiện, đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp với năng lực của cấp được phân cấp, ủy quyền	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND các quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
50	Quyết định	Chuẩn hóa mô hình áp dụng cơ chế “một cửa liên thông” tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn thành phố	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND các quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
51	Quyết định	Quy định về thực hiện thanh tra công vụ trên địa bàn thành phố	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND các quận, huyện	Quý IV/2008	5.000.000	Sở Nội vụ

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
52	Quyết định	Cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo nhân tài để đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố	Sở Nội vụ	Các sở, ngành có liên quan	Quý IV/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
53	Quyết định	Về phê duyệt và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Tôn giáo và Dân tộc	Sở Nội vụ	Ban Tôn giáo và Dân tộc	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
54	Quyết định	Về phê duyệt và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Nam	Sở Nội vụ	Ban Quản lý Khu Nam	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
55	Quyết định	Về phê duyệt Đề án thành lập Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước thành phố	Sở Nội vụ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giao thông - Công chính	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
56	Quyết định	Về ban hành Quy chế phối hợp liên ngành trong đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Sở Nội vụ	Sở Y tế	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
57	Quyết định	Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm tra liên ngành hoạt động văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội thành phố	Sở Nội vụ	Sở Văn hóa và Thông tin; Sở LĐ-TB và XH	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
58	Quyết định	Về ban hành chế độ phụ cấp ưu đãi đối với các Ban quản lý đặc thù thuộc UBND thành phố	Sở Nội vụ	Sở Tài chính	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
59	Quyết định	Về ban hành Quy chế điều động, miễn nhiệm và cho thôi việc đối với cán bộ, công chức phường - xã, thị trấn tại thành phố Hồ Chí Minh	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, UBND quận, huyện	Quý III/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
60	Quyết định	Về quy định tổ chức bộ máy và Quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, UBND quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
61	Quyết định	Về ban hành Quy định mức phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo, kế toán trưởng, kế toán đối với các cơ quan, đơn vị thuộc UBND quận, huyện	Sở Nội vụ	Sở Tài chính; Sở Tư pháp, UBND quận, huyện	Quý III/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
62	Quyết định	Về quy định chế độ khuyến khích người có trình độ đại học công tác tại phường, xã, thị trấn	Sở Nội vụ	Sở Tài chính; Sở Tư pháp, UBND quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
63	Quyết định	Về quy định tiếp nhận công chức, viên chức ngoài biên chế thành phố về công tác tại các cơ quan hành chính, sự nghiệp của Thành phố	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp, UBND quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
64	Quyết định	Về ban hành Quy định thủ tục hành chính tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức thuộc chức năng tham mưu của Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp	Quý II/2008	5.000.000	Sở Nội vụ
65	Chỉ thị	Triển khai thực hiện Nghị định số 157/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ	Sở Nội vụ	Các sở, ngành	Quý II/2008	2.000.000	UBND quận 7
66	Quyết định	Về ủy quyền cho thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch UBND quận, huyện, Tổng Công ty 90 thuộc Thành phố quyết định cho phép cán bộ, công chức, nhân viên ra nước ngoài về việc riêng	Sở Nội vụ	UBND các quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	UBND quận Tân Phú
67	Quyết định	Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện các giải pháp thúc đẩy đầu tư nước ngoài	Sở Nội vụ	Sở KH - ĐT; Sở TM; Sở Tài chính; Sở Công nghiệp	Quý III/2008	5.000.000	UBND quận 7

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
68	Quyết định	Ban hành Quy định về quy trình phối hợp giải quyết liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp kinh doanh trên địa bàn thành phố (thay thế Quyết định số 236/2004/QĐ-UB ngày 14/10/2004 của UBND TP)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tư pháp	Quý II/2008	5.000.000	UBND quận 4
69	Quyết định	Quy chế về công tác lưu trữ tập trung đối với hồ sơ nhà, đất tại quận, huyện	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng; UBND quận, huyện	Quý IV/2008	5.000.000	UBND huyện Bình Chánh
70	Quyết định	Quy định về quản lý kiến trúc và quy hoạch tại các điểm dân cư nông thôn	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng; Sở NN và PTNT; UBND các quận, huyện	Quý II/2008	5.000.000	UBND huyện Bình Chánh
71	Quyết định	Quy định về trình tự, thủ tục lập, thẩm định, trình duyệt và ban hành quy hoạch tỷ lệ 1/500 và thiết kế đô thị	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng	Quý II/2008	5.000.000	UBND quận 5
72	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 228/2004/QĐ-UB quy định mức thu phí dịch vụ công chứng, chứng thực trên địa bàn thành phố	Sở Tư pháp	Sở Tài chính	Quý II/2008	5.000.000	UBND quận Tân Bình

STT	Hình thức văn bản	Nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ	Ghi chú (cơ quan đề xuất)
73	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 246/2003/QĐ-UB ngày 06/11/2003 ban hành Quy chế quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy	Sở Tư pháp	Sở LĐ-TB và XH, Công an TP, Lực lượng TNXP	Quý II/2008	5.000.000	Sở Tư pháp
74	Quyết định	Ban hành Quy chế phối hợp về việc xử lý vi phạm của các tổ chức, cá nhân sau khi có kết luận thanh tra	Sở Tư pháp	Thanh tra TP, VP Tiếp công dân TP	Quý III/2008	5.000.000	Sở Tư pháp
75	Quyết định	Về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực theo Nghị định số 79/2007/NĐ-CP	Sở Tư pháp	Sở Tài chính	Quý IV/2008	5.000.000	UBND quận 5, Tân Bình
76	Chỉ thị	Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường	Sở Tư pháp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý II/2008	2.000.000	UBND huyện Hóc Môn
77	Chỉ thị	Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách hành chính	Sở Tư pháp	Sở Nội vụ	Quý III/2008	2.000.000	UBND TP chỉ đạo tại Báo cáo 106/BC-UBND ngày 03/12/2007
Tổng cộng: 77 văn bản			346.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi sáu triệu đồng)				

QUẬN 9

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2008/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 21 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn quận 9

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động;

Căn cứ Quy định về phân cấp quản lý nhà nước được ban hành kèm theo Quyết định số 22/2008/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 64/TTr-TCKH ngày 14 tháng 5 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn quận.

Điều 2. Giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn quận có trách nhiệm xây dựng quy chế quản lý, sử dụng đối với tài sản nhà nước tại đơn vị theo đúng các quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 9, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 9, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 phường, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn quận chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Tám

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Về phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị
sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước**

đảm bảo kinh phí hoạt động trên địa bàn quận 9

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2008/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 9)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước trên địa bàn quận 9 tại:

- a) Cơ quan hành chính nhà nước (gọi tắt là cơ quan).
- b) Đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là đơn vị).
- c) Tổ chức, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 9, Hội Liên hiệp Phụ nữ quận 9, Quận Đoàn 9, Hội Nông dân quận 9, Hội Cựu Chiến binh quận 9 (gọi tắt là tổ chức).

Điều 2. Tài sản nhà nước tại cơ quan, đơn vị, tổ chức

1. Tài sản nhà nước tại cơ quan, đơn vị, tổ chức gồm:

- a) Đất đai;
 - b) Nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất đai;
 - c) Các tài sản khác gắn liền với đất đai;
 - d) Phương tiện giao thông vận tải, máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác.
2. Tài sản nhà nước tại cơ quan, đơn vị, tổ chức là tài sản được hình thành do

Nhà nước giao tài sản cho cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý, sử dụng; được mua sắm bằng tiền do ngân sách nhà nước cấp hoặc từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi của đơn vị, tài sản được xác lập quyền sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Điều 3. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản nhà nước đối với cơ quan, tổ chức

1. Đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà cửa:

1.1. Đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp từ nguồn kinh phí thường xuyên được giao trong dự toán đầu năm có tổng dự toán dưới 1 tỷ đồng: Giao cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức quyết định việc sửa chữa theo nội dung phân cấp như sau:

a) Đối với công trình đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp có tổng dự toán dưới 200 triệu đồng (không phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật): Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quyết định chủ trương sửa chữa, tự tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, chỉ định thầu đơn vị thi công, ký hợp đồng thi công, tổ chức giám sát việc thực hiện và nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; chịu toàn bộ trách nhiệm đối với các công việc thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định và quản lý của mình.

Sau khi công trình hoàn thành, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thẩm tra, phê duyệt quyết toán công trình theo quy định.

b) Đối với công trình đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp có tổng mức đầu tư từ 200 triệu đến dưới 01 tỷ đồng: Thủ trưởng cơ quan, tổ chức (chủ đầu tư) tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình; trường hợp cần thiết có thể thuê tư vấn thẩm tra để làm cơ sở cho việc thẩm định. Sau đó, chủ đầu tư lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật gửi Ủy ban nhân dân quận để phê duyệt.

Sau khi Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được phê duyệt, đơn vị chủ đầu tư tổ chức đấu thầu, chọn thầu và thực hiện các bước tiếp theo của quy trình quản lý dự án đầu tư theo quy định.

Khi công trình hoàn thành, Thủ trưởng đơn vị phải lập quyết toán công trình

gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch quận để phê duyệt theo quy định quyết toán vốn đầu tư hiện hành.

1.2. Đối với công trình đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp có tổng mức đầu tư từ 01 tỷ đồng trở lên thì sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Việc phân cấp quyết định đầu tư và quản lý quá trình đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện theo Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của thành phố Hồ Chí Minh và các văn bản điều chỉnh có liên quan.

2. Sửa chữa các tài sản khác (phương tiện đi lại, phương tiện làm việc, máy móc thiết bị...):

Trường hợp sửa chữa từ nguồn kinh phí thường xuyên được giao trong dự toán đầu năm: phân cấp cho Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quyết định chủ trương, thực hiện thủ tục sửa chữa; chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định của mình.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp

1. Đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, nhà cửa:

1.1. Đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; quỹ phúc lợi; các nguồn thu khác từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị được phép sử dụng; các nguồn vốn huy động, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật: Thủ trưởng đơn vị tự quyết định chủ trương sửa chữa nhưng phải đảm bảo quy trình quản lý, thủ tục thực hiện và quyết toán công trình (trương tự điểm 1.1 khoản 1 Điều 3 của Quy định này).

1.2. Đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp từ nguồn kinh phí do ngân sách cấp; vốn viện trợ, tài trợ, biếu tặng, cho và của dự án đơn vị được tiếp nhận theo quy định của pháp luật; nguồn thu từ bán, chuyển nhượng tài sản của đơn vị được thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Việc phân cấp tương tự như cơ quan, tổ chức nêu tại điểm 1.1, điểm 1.2 khoản 1 Điều 3 của Quy định này.

2. Sửa chữa các tài sản khác (phương tiện đi lại, phương tiện làm việc, máy móc thiết bị...):

2.1. Trường hợp sửa chữa từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; quỹ phúc lợi; các nguồn thu khác từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị được phép sử dụng; các nguồn vốn huy động, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật:

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn định mức theo chế độ quy định, tự quyết định việc sửa chữa tài sản để đảm bảo cho quá trình hoạt động sự nghiệp.

2.2. Trường hợp sửa chữa từ nguồn kinh phí do ngân sách cấp; vốn viện trợ, tài trợ, biếu tặng, cho và của dự án đơn vị được tiếp nhận theo quy định của pháp luật; nguồn thu từ bán, chuyển nhượng tài sản của đơn vị được thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Đối với đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động: Thủ trưởng đơn vị căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn định mức để quyết định việc sửa chữa phục vụ cho hoạt động trên cơ sở khả năng cân đối nguồn tài chính của đơn vị.

- Đối với đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động và đơn vị sự nghiệp do ngân sách cấp toàn bộ kinh phí hoạt động: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tổ chức quyết định nếu sửa chữa từ nguồn kinh phí thường xuyên được giao trong dự toán đầu năm và chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định của mình.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản đối với cơ quan, tổ chức

1. Đối với việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng: căn cứ vào nhu cầu thực tế cần thiết và khả năng cân đối ngân sách quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận báo cáo Hội đồng nhân dân quận xem xét.

2. Đối với việc mua sắm các tài sản còn lại khác (như phương tiện làm việc, máy móc thiết bị...): Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quyết định chủ trương mua sắm từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán đầu năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định; chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định tại Thông tư số 63/2007/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản đối với đơn vị sự nghiệp

1. Trường hợp mua sắm tài sản từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; quỹ phúc lợi; các nguồn thu khác từ hoạt động sự nghiệp của đơn vị được phép sử dụng; các nguồn vốn huy động, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật:

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn định mức sử dụng, nhu cầu cần thiết phục vụ hoạt động của đơn vị, quyết định việc mua sắm cho phù hợp.

2. Trường hợp mua sắm tài sản từ nguồn kinh phí do ngân sách cấp; vốn viện trợ, tài trợ, biếu tặng, cho và của dự án đơn vị được tiếp nhận theo quy định của pháp luật; nguồn thu từ bán, chuyển nhượng tài sản của đơn vị được thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản từ các nguồn này như sau:

- Đối với đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động: Thủ trưởng đơn vị căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiêu chuẩn định mức sử dụng để quyết định việc mua sắm tài sản phục vụ cho hoạt động trên cơ sở khả năng cân đối nguồn tài chính của đơn vị.

- Đối với đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động và đơn vị sự nghiệp do ngân sách cấp toàn bộ kinh phí hoạt động: căn cứ vào dự toán được giao hàng năm và nhu cầu thực tế, Thủ trưởng đơn vị quyết định việc mua sắm tài sản để phục vụ cho phù hợp hoạt động đơn vị.

Thủ trưởng đơn vị phải chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định tại Thông tư số 63/2007/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước bằng vốn nhà nước.

Điều 7. Thẩm quyền thu hồi tài sản nhà nước

Tài sản nhà nước bị thu hồi trong các trường hợp quy định tại điểm 6.1, Phần II Thông tư số 35/2007/TT-BTC ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Bộ Tài chính bao gồm:

- Đầu tư xây dựng mới, mua sắm, điều chuyển, thu hồi, bán, chuyển đổi sở hữu vượt tiêu chuẩn định mức, không đúng thẩm quyền do Nhà nước quy định.

- Không sử dụng mà đơn vị sử dụng không đề nghị phương án xử lý có hiệu quả.

- Sử dụng sai mục đích, sai chế độ quy định, bán, chuyển nhượng, cho, tặng không đúng thẩm quyền.

- Các trường hợp phải thu hồi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thẩm quyền điều chuyển tài sản nhà nước

Việc điều chuyển giữa các đơn vị, tổ chức do Ủy ban nhân dân quận quyết định trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Điều 9. Thẩm quyền bán, chuyển đổi hình thức sở hữu, thanh lý tài sản nhà nước

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trường hợp bán, chuyển đổi hình thức sở hữu, thanh lý tài sản có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản.

**Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 10. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn quận có trách nhiệm xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước một cách tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện việc đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm, thanh lý, bán và điều chuyển tài sản nhà nước tại đơn vị theo đúng các quy định tại Quy định này và các quy định khác có liên quan.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 9 chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức kịp thời báo cáo, đề xuất gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân quận xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Tám

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2008/CT-UBND

Quận 9, ngày 21 tháng 5 năm 2008

CHỈ THỊ**Về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng - an ninh toàn dân
trước tình hình mới trên địa bàn quận 9**

Thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng - an ninh toàn dân trong tình hình mới và Kế hoạch số 28-KH/TU ngày 09 tháng 12 năm 2007 của Thành ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng - an ninh trong tình hình mới trên địa bàn quận; thời gian qua, các cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân 13 phường, các ban, ngành, đoàn thể quận, các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp dạy nghề và trung học phổ thông trên địa bàn quận đã triển khai thực hiện, đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn một số lãnh đạo đơn vị, cơ sở chưa nhận thức và quan tâm đầy đủ về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác giáo dục quốc phòng - an ninh; cơ chế tổ chức thực hiện thiếu thống nhất, chưa phối hợp đồng bộ giữa các sở, ngành chức năng và các đơn vị có liên quan.

Để thực hiện tốt công tác giáo dục quốc phòng - an ninh toàn dân trong tình hình mới trên địa bàn quận được sâu rộng, thường xuyên, có nề nếp, vững chắc, nhằm phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội quận trong thời gian tới, đồng thời quán triệt thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng - an ninh toàn dân trong tình hình mới và Nghị định số 116/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về giáo dục quốc phòng - an ninh; Ủy ban nhân dân quận 9 chỉ thị như sau:

1. Yêu cầu lãnh đạo các ngành, các cấp, các đơn vị trên địa bàn quận thực hiện các biện pháp và hình thức giáo dục thích hợp các quan điểm, đường lối của Đảng, chủ trương, chính sách của Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân cho cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành và thế hệ trẻ, làm chuyển biến trong nhận thức cho mọi cán bộ, đảng viên ở tất cả các cấp, các ngành và nhân dân về vai trò và tầm quan trọng của việc xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân

dân, thấy rõ trách nhiệm của mọi người, mỗi tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu “Diễn biến hòa bình - bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia.

2. Việc quán triệt nhận thức công tác giáo dục quốc phòng - an ninh toàn dân là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân, việc phổ cập và tăng cường giáo dục quốc phòng - an ninh toàn dân là nhiệm vụ chung của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, phải được chỉ đạo, tổ chức thực hiện thống nhất từ quận đến cơ sở bằng nhiều hình thức và nội dung phù hợp, phong phú với từng đối tượng. Kết hợp giáo dục thường xuyên với giáo dục tập trung có trọng điểm, chú trọng giáo dục ý thức, tri thức và kỹ năng quân sự cần thiết cho toàn dân, kết hợp giáo dục lý thuyết với thực hành.

3. Ủy ban nhân dân quận 9 giao trách nhiệm cho Ban Chỉ huy Quân sự quận 9, Phòng Giáo dục, Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ban Tuyên giáo Quận ủy và các ban, ngành, đoàn thể có liên quan phối hợp hướng dẫn thực hiện và giải thích những vấn đề vướng mắc về giáo dục quốc phòng - an ninh toàn dân trong tình hình mới ở các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị, bảo đảm số lượng giáo viên, giảng viên, chế độ học tập, cơ sở vật chất cho công tác giảng dạy và học tập. Đồng thời phối hợp, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, địa phương tổ chức thực hiện và đảm bảo kinh phí cho giáo dục quốc phòng - an ninh toàn dân trong tình hình mới.

4. Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao quận lập kế hoạch, biện pháp tăng cường, nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền giáo dục quốc phòng - an ninh toàn dân trên các phương tiện thông tin đại chúng và truyền thông từ quận đến cơ sở và chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên đối với cơ quan chuyên ngành ở cơ sở.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu Chiến binh, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ Nữ quận 9 cùng các tổ chức xã hội tham gia phối hợp thực hiện công tác giáo dục quốc phòng - an ninh toàn dân cho các đối tượng thuộc ngành mình.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc quận tổ chức thực hiện nghiêm túc nội dung Chỉ thị này, báo cáo kết quả thực hiện đúng quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Tám

QUẬN PHÚ NHUẬN

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 435/2008/QĐ-UBND

Phú Nhuận, ngày 23 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng quận
và Thanh tra Xây dựng phường trên địa bàn quận Phú Nhuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị;

Căn cứ Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận, huyện và Thanh tra Xây dựng xã, phường, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thí điểm thành lập Thanh tra Xây dựng quận - huyện và Thanh tra Xây dựng phường - xã, thị trấn tại thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1158/2007/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận về việc thành lập Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng phường;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động

của Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng phường trên địa bàn quận Phú Nhuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường, Trưởng Công an 15 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định này thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Công Nghĩa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng quận
và Thanh tra Xây dựng phường trên địa bàn quận Phú Nhuận**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 435/2008/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Xây dựng quận, Thanh tra Xây dựng phường trong việc thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực quản lý xây dựng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, quản lý sử dụng đất đai; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, những hành vi bị cấm đối với chủ đầu tư xây dựng công trình; các trình tự, thủ tục về đình chỉ thi công công trình, cưỡng chế phá dỡ công trình; thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Chánh Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra viên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức làm việc tại Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng phường.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cán bộ, công chức và các ngành chức năng liên quan đến phạm vi điều chỉnh và chức năng nhiệm vụ được quy định tại Quy chế này.
3. Chủ đầu tư, chủ thầu các công trình xây dựng.

Chương II VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Mục 1 VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA XÂY DỰNG QUẬN

Điều 3. Vị trí, chức năng của Thanh tra Xây dựng quận

- Là tổ chức Thanh tra trực thuộc Ủy ban nhân dân quận; có chức năng giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về công tác thanh kiểm tra; thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý trật tự xây dựng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

- Chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế, chương trình công tác của Ủy ban nhân dân quận và sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra chuyên ngành các Sở chuyên môn thành phố.

- Có trụ sở làm việc, được trang bị phương tiện cần thiết phục vụ cho công tác chuyên môn, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Phú Nhuận.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thanh tra Xây dựng quận

1. Kết hợp với Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật quận xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền các văn bản pháp luật về quản lý xây dựng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, quản lý sử dụng đất đai và lập kế hoạch thanh kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với các lĩnh vực nêu trên trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt triển khai thực hiện.

2. Thực hiện thanh kiểm tra các chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng công trình trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về xây dựng; xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ban hành quyết định đình chỉ thi công, quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm thuộc thẩm quyền trong trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường không ban hành kịp thời hoặc do buông lỏng quản lý, đồng thời kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có hình thức xử lý kỷ luật đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

3. Được quyền yêu cầu:

- Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cung cấp các tài liệu như: hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng, giấy phép xây dựng và các tài liệu khác phục vụ cho công tác thanh kiểm tra.

- Các chủ đầu tư có trách nhiệm xuất trình giấy phép xây dựng, các tài liệu liên quan đến việc xây dựng công trình.

4. Lập hồ sơ các vụ vi phạm pháp luật trong hoạt động xây dựng đối với chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng có dấu hiệu cấu thành tội phạm, kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký văn bản chuyển sang cơ quan điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giải quyết khiếu nại, tố cáo và các đơn thư dân nguyện về các lĩnh vực được phân công tại Quy chế này.

6. Tổ chức kiểm tra, phát hiện kịp thời và lập biên bản yêu cầu các tổ chức, cá nhân đình chỉ ngay các hành vi vi phạm trên các lĩnh vực theo quy định tại Điều 1 của Quy chế này.

7. Hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ cho Thanh tra Xây dựng phường và hỗ trợ Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện quyết định cưỡng chế khi có yêu cầu.

8. Thụ lý hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm vượt thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; những hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ký ban hành (trừ trường hợp có quyết định tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35, Điều 42 của Luật Khiếu nại, tố cáo) và đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ra quyết định cưỡng chế đối với tổ chức, cá nhân không chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực thuộc phạm vi trách nhiệm.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phân công.

Mục 2

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA XÂY DỰNG PHƯỜNG

Điều 5. Vị trí, chức năng của Thanh tra Xây dựng phường

- Là tổ chức Thanh tra trực thuộc Ủy ban nhân dân phường; có chức năng giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường về công tác thanh kiểm tra, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về quản lý trật tự xây dựng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật trên địa bàn quản lý.

- Chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức và công tác của Ủy ban nhân dân phường và sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra Xây dựng quận.

- Có địa điểm làm việc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường bố trí, được trang bị các phương tiện cần thiết phục vụ công tác chuyên môn và được sử dụng con dấu, tài khoản của Ủy ban nhân dân phường để hoạt động.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thanh tra Xây dựng phường

1. Phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị tại địa phương hướng dẫn, tuyên truyền, vận động các tổ chức và nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và quản lý, sử dụng đất đai.

2. Tiếp nhận và xác nhận việc chủ đầu tư xây dựng công trình nộp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng công trình trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 khoản 2 các điểm a, b Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thanh kiểm tra các chủ đầu tư, chủ thầu xây dựng công trình trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch, thiết kế xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phát hiện và kịp thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật như: xây dựng không phép; xây dựng sai giấy phép; xây dựng lấn chiếm hành lang bảo vệ của công trình hạ tầng kỹ thuật, hành lang trên bờ sông, kênh, rạch (theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh) và các công trình khác theo quy định của pháp luật; lấn chiếm vỉa hè, đường phố; coi nói, lấn chiếm không gian; vi phạm quy định của pháp luật về trật tự đô thị, vệ sinh môi trường, quản lý, sử dụng đất đai và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong phạm vi trách nhiệm.

4. Lập biên bản vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực được phân công, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ra quyết định đình chỉ thi công, quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình hoặc bộ phận công trình vi phạm theo trình tự quy định tại các Điều 9 và Điều 10 Quyết định số 89/2007/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ. Hồ sơ vi phạm phải được gửi về Thanh tra Xây dựng quận để báo cáo và lưu trữ tại Ủy ban nhân dân phường.

5. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ủy ban nhân dân phường và Thanh tra Xây dựng quận về tình hình trật tự xây dựng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và quản lý sử dụng đất đai trên địa bàn.

6. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và pháp luật do buông lỏng quản lý không xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm.

7. Thông báo đến cơ quan, đơn vị công tác của cán bộ, công chức, viên chức do trong quá trình xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà đã vi phạm các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng, đồng thời công khai hàng ngày trên Đài Truyền thanh của phường (nếu có) và các phương tiện thông tin khác về hình thức xử lý các trường hợp vi phạm liên quan đến trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý.

8. Phối hợp với ban, ngành, đoàn thể tại địa phương và các cơ quan chức năng liên quan quận áp dụng các biện pháp ngăn chặn, khắc phục hậu quả: tạm giữ phương tiện, công cụ, vật tư được dùng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính của tổ chức hoặc công dân; buộc tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần công trình xây dựng vi phạm, công trình xây dựng không giấy phép và thực hiện các quyết định hành chính, gồm: quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực pháp luật thi hành, quyết định cưỡng chế hành chính.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường giao.

Chương III **TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ VÀ CÔNG CHỨC**

Mục 1 **TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ CỦA THANH TRA XÂY DỰNG QUẬN**

Điều 7. Tổ chức của Thanh tra Xây dựng quận

Thanh tra Xây dựng quận có một Chánh Thanh tra và có từ 01 đến 02 Phó Chánh Thanh tra. Các chức danh trên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chánh Thanh tra Xây dựng quận chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và pháp luật về toàn bộ hoạt động của đơn vị.

Các Phó Chánh Thanh tra Xây dựng quận thực hiện nhiệm vụ do Chánh Thanh tra phân công, chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra và pháp luật về lĩnh vực phụ trách.

Điều 8. Biên chế Thanh tra Xây dựng quận

Thanh tra Xây dựng quận có từ 15 đến 20 Thanh tra viên và một số chức danh khác (lái xe, kế toán, tổng hợp kiêm văn thư - lưu trữ, đánh máy kiêm thủ quỹ).

Căn cứ quy mô, đặc điểm và nhu cầu công tác quản lý trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định cụ thể biên chế của Thanh tra Xây dựng quận trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.

Trong những đợt công tác cao điểm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có thể bố trí lực lượng công tác viên Thanh tra Xây dựng quận để đáp ứng yêu cầu công tác.

Mục 2**TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ CỦA THANH TRA XÂY DỰNG PHƯỜNG****Điều 9. Tổ chức của Thanh tra Xây dựng phường**

Thanh tra Xây dựng phường do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phụ trách, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Thanh tra Xây dựng quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Thanh tra Xây dựng phường.

Điều 10. Biên chế của Thanh tra Xây dựng phường

Thanh tra Xây dựng phường thuộc chỉ tiêu biên chế hành chính của quận, có từ 03 đến 04 Thanh tra viên.

Căn cứ quy mô, đặc điểm và nhu cầu quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định cụ thể biên chế của Thanh tra Xây dựng phường trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được cấp thẩm quyền giao hàng năm.

Trong những đợt công tác cao điểm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận có thể bố trí lực lượng cộng tác viên Thanh tra Xây dựng phường để đáp ứng yêu cầu công tác.

Mục 3**CÔNG CHỨC LÀM VIỆC TẠI THANH TRA XÂY DỰNG QUẬN VÀ THANH TRA XÂY DỰNG PHƯỜNG****Điều 11. Công chức làm việc tại Thanh tra Xây dựng quận, phường**

Công chức làm việc tại Thanh tra Xây dựng quận, phường chưa được bổ nhiệm Thanh tra viên chuyên ngành xây dựng phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Quyết định số 165/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tạm thời tiêu chuẩn Thanh tra viên ngành xây dựng quận - huyện và xã - phường, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Chương IV**QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ NHỮNG HÀNH VI BỊ CẤM ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH, TRÌNH TỰ ĐÌNH CHỈ THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH, TRÌNH TỰ CƯỠNG CHẾ PHÁ DỠ CÔNG TRÌNH**

Mục 1**QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ NHỮNG HÀNH VI
BỊ CẤM ĐỐI VỚI CHỦ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH****Điều 12. Quyền đối với chủ đầu tư xây dựng công trình**

1. Được cấp phép xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình, nhà ở theo quy định của pháp luật.

2. Được xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình, nhà ở theo đúng giấy phép đã được cơ quan có thẩm quyền cấp (trường hợp được miễn giấy phép theo quy định của pháp luật thì phải thực hiện quy định tại Điều 13 khoản 2 Quy chế này và các quy định khác của pháp luật liên quan).

3. Từ chối những yêu cầu trái pháp luật của Thanh tra viên xây dựng, cán bộ quản lý xây dựng và các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc cấp giấy phép xây dựng.

4. Khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật của Thanh tra viên xây dựng (hoặc cán bộ địa chính - xây dựng) và các tổ chức, cá nhân liên quan.

5. Những quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nghĩa vụ đối với chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Thông báo bằng văn bản và nộp cho Thanh tra Xây dựng phường bản sao giấy phép xây dựng và các giấy tờ khác liên quan có chứng thực theo quy định tại Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong thời hạn bảy ngày làm việc trước khi khởi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 68 khoản 2 điểm c Luật Xây dựng.

2. Trường hợp công trình xây dựng không phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại Điều 62 khoản 1 Luật Xây dựng và Điều 1 khoản 9 Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 sửa đổi, bổ sung Điều 17 khoản 1 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản và nộp bản sao các giấy tờ khác liên quan (nếu có và trừ trường hợp công trình bí mật Nhà nước) có chứng thực theo quy định tại Nghị định số 79/2007/NĐ-CP của Chính phủ đã nêu trên cho Thanh tra Xây dựng phường trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc trước khi khởi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 68 khoản 2 điểm c Luật Xây dựng.

3. Bảo đảm an toàn cho công trình xây dựng và công trình lân cận; không để vật

tư, nguyên liệu và thiết bị thi công gây cản trở giao thông, ô nhiễm môi trường và gây tiếng ồn trong thi công sau 23 giờ đêm hôm trước đến 05 giờ sáng hôm sau tại khu dân cư. Trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Chi trả mọi chi phí cho việc tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm.

5. Thực hiện những nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm đối với chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Thực hiện đúng các quy định ghi trong giấy phép xây dựng và các quy định khác của pháp luật liên quan.

2. Tự tháo dỡ một phần hoặc toàn bộ công trình xây dựng vi phạm ngay sau khi Thanh tra viên xây dựng (hoặc cán bộ địa chính - xây dựng) lập biên bản ngừng thi công.

3. Trường hợp không tự phá dỡ bộ phận công trình, công trình vi phạm thì sẽ bị cưỡng chế phá dỡ.

4. Những trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Những hành vi bị cấm đối với chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư xây dựng công trình không được thực hiện các hành vi bị cấm quy định tại Điều 10 các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 của Luật Xây dựng và Điều 8 khoản 5 của Luật Nhà ở.

2. Những hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Mục 2

TRÌNH TỰ ĐÌNH CHỈ THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Điều 16. Trình tự đình chỉ thi công xây dựng công trình

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng, Thanh tra viên xây dựng phường (hoặc cán bộ địa chính - xây dựng phường) phải lập biên bản, yêu cầu chủ đầu tư ngừng thi công xây dựng và tự phá dỡ bộ phận công trình hoặc công trình vi phạm.

2. Trong thời hạn 24 giờ từ khi lập biên bản (kể cả ngày lễ, ngày Tết, ngày thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ khác), nếu chủ đầu tư không ngừng thi công xây dựng và không tự phá dỡ bộ phận công trình vi phạm thì người lập biên bản phải trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ra quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị cung cấp điện, nước phải dừng ngay việc cấp điện, nước đối với công trình xây dựng vi phạm, đồng thời chỉ đạo Trưởng Công an phường tổ chức cấm vận chuyên vật tư, vật liệu và công nhân vào công trường để thi công.

4. Trường hợp chủ đầu tư xây dựng công trình vắng mặt tại công trường thì các đơn vị cấp điện, nước, Công an phường vẫn ngừng cấp điện, nước và thực hiện quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình.

Mục 3

TRÌNH TỰ CƯỠNG CHẾ PHÁ DỠ CÔNG TRÌNH

Điều 17. Trình tự cưỡng chế phá dỡ công trình

1. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện ngay quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm, đồng thời phải tự phá dỡ các bộ phận công trình hoặc công trình vi phạm.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, nếu chủ đầu tư không tự phá dỡ công trình, bộ phận công trình vi phạm hoặc vắng mặt thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ra quyết định cưỡng chế phá dỡ bộ phận công trình vi phạm và tổ chức phá dỡ.

3. Đối với các công trình xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận hoặc do Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng, sau khi ra quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm gửi ngay hồ sơ đến Thanh tra Xây dựng quận để đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tiếp tục xử lý theo quy định.

4. Trong trường hợp chủ đầu tư, nhà thầu thi công, nhà thầu giám sát và các tổ chức, cá nhân khác không chấp hành quyết định đình chỉ thi công thì trong thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ khi nhận đủ hồ sơ, Chánh Thanh tra Xây dựng quận phải trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Thanh tra Xây dựng quận và cơ quan chức năng liên quan tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế hành chính nêu trên.

Chương V
THẨM QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG,
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, CHÁNH THANH TRA
XÂY DỰNG QUẬN VÀ THANH TRA VIÊN

Điều 18. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

1. Quyết định đình chỉ thi công đối với tất cả các loại công trình xây dựng vi phạm pháp luật xây dựng trên địa bàn.
2. Quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với các loại công trình xây dựng vi phạm pháp luật xây dựng trên địa bàn (trừ các công trình do Ủy ban nhân dân quận hoặc do Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng).

Điều 19. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận

1. Quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình vi phạm pháp luật xây dựng do Ủy ban nhân dân quận hoặc Sở Xây dựng cấp phép đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ra quyết định đình chỉ thi công nhưng chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng, nhà thầu giám sát và các tổ chức, cá nhân khác không chấp hành lệnh đình chỉ thi công xây dựng.
2. Chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện cưỡng chế phá dỡ những công trình xây dựng vi phạm theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Chánh Thanh tra Sở Xây dựng.

Điều 20. Thẩm quyền của Chánh Thanh tra Xây dựng quận

1. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ra quyết định cưỡng chế phá dỡ các công trình xây dựng vi phạm sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ra quyết định đình chỉ thi công nhưng chủ đầu tư, chủ thầu xây dựng, nhà thầu giám sát và các tổ chức, cá nhân khác không chấp hành quyết định đình chỉ thi công.
2. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xử lý cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm pháp luật hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm trong thi hành công vụ.

Điều 21. Thẩm quyền của Thanh tra viên

Thanh tra viên xây dựng quận và phường đang thi hành công vụ được xử phạt theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 38 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chương VI

NHỮNG HÀNH VI BỊ CẤM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 22. Những hành vi bị cấm

Cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ cấp phép xây dựng, Thanh tra viên và những cán bộ, công chức liên quan ngoài việc phải tuân theo những hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức còn bị cấm những hành vi sau:

1. Cấp phép xây dựng không đúng quy định của pháp luật; sách nhiễu, gây khó khăn cho chủ đầu tư xây dựng công trình khi đến xin phép xây dựng;
2. Áp dụng hình thức phạt tiền cho tồn tại bộ phận công trình, công trình vi phạm.
3. Dung túng, bao che, không xử lý kịp thời các công trình xây dựng vi phạm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.
4. Nhận tiền, hiện vật hoặc đi ăn, uống và các hoạt động khác theo lời mời của chủ đầu tư xây dựng công trình, nhà thầu xây dựng.
5. Sách nhiễu, gây khó khăn cho chủ đầu tư xây dựng công trình, nhà thầu trong thi công xây dựng công trình khi đã có đủ các hồ sơ, thủ tục, giấy phép và các tài liệu liên quan theo quy định của pháp luật.
6. Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ cấp phép xây dựng, Thanh tra viên và các cán bộ, công chức liên quan vi phạm những hành vi bị cấm quy định tại Điều 22 Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Thanh tra viên (hoặc cán bộ địa chính - xây dựng) được phân công không phát hiện kịp thời các công trình vi phạm hoặc phát hiện nhưng không thực hiện các bước xử lý quy định tại Điều 16, 17 của Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức, phải bồi thường thiệt hại hoặc bị xử lý trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường không ra quyết định đình chỉ thi công, quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm hoặc bộ phận công trình vi phạm theo thời hạn và trình tự quy định tại Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Pháp lệnh Cán bộ, công chức và phải bồi thường thiệt hại hoặc bị xử lý trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

4. Chánh Thanh tra Xây dựng quận không ra quyết định đình chỉ thi công và không kịp thời tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xử lý theo thẩm quyền quy định tại Điều 20 của Quy chế này thì sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

Chương VII

TRANG PHỤC, PHÙ HIỆU, CẤP HIỆU, BIỂN HIỆU, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ KỸ THUẬT, PHƯƠNG TIỆN PHÒNG VỆ, TIÊU CHUẨN VÀ THẨM QUYỀN BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁC NGẠCH THANH TRA VIÊN CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Điều 24. Trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, phương tiện, thiết bị kỹ thuật, phương tiện phòng vệ của Thanh tra Xây dựng

Mẫu văn bản, trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, phương tiện, thiết bị kỹ thuật, phương tiện phòng vệ của Thanh tra Xây dựng quận và Thanh tra Xây dựng phường thực hiện theo Quyết định số 25/2007/QĐ-BXD ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 25. Tiêu chuẩn và thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm các ngạch Thanh tra viên chuyên ngành xây dựng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định việc tuyển dụng công chức vào làm việc tại Thanh tra Xây dựng quận, phường sau khi có kết quả trúng tuyển kỳ thi tuyển do Sở Nội vụ tổ chức.

2. Giám đốc Sở Nội vụ tổ chức việc thi tuyển công chức vào làm việc tại Thanh tra Xây dựng quận, phường theo chỉ tiêu đăng ký của quận và quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các ngạch Thanh tra viên chuyên ngành xây dựng quận, phường theo quy định tại Quyết định số 165/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định tạm thời tiêu chuẩn Thanh tra viên ngành xây dựng quận - huyện và xã - phường, thị trấn tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Chương VIII

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI THANH TRA XÂY DỰNG QUẬN, PHƯỜNG

Điều 26. Chế độ làm việc

1. Thanh tra Xây dựng quận, phường hoạt động theo giờ hành chính, bố trí các Thanh tra viên (hoặc cán bộ địa chính - xây dựng) trực ngoài giờ hành chính, ngày lễ,

ngày Tết, thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ khác để thực hiện nhiệm vụ được giao; được trung tập cộng tác viên thanh tra theo quy định của pháp luật.

Cán bộ địa chính - xây dựng phường thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ, quyền khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường giao trong việc giúp Thanh tra Xây dựng phường thực hiện nhiệm vụ.

2. Chánh Thanh tra Xây dựng quận điều hành toàn bộ hoạt động của đơn vị, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về hiệu quả công tác của đơn vị và phân công nhiệm vụ cụ thể cho Thanh tra viên và cán bộ, công chức trực thuộc.

3. Thanh tra viên và cán bộ, công chức của Thanh tra Xây dựng quận, phường trong khi thi hành nhiệm vụ phải mặc trang phục theo quy định và đeo thẻ Thanh tra viên hoặc thẻ công chức; có bảng tên đặt tại bàn làm việc; tác phong làm việc tận tụy, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của lãnh đạo đơn vị, đồng nghiệp, trong quan hệ công tác có thái độ, lịch sự, khiêm tốn, hòa nhã với công dân, tổ chức liên quan.

Điều 27. Chế độ hội họp, báo cáo

1. Chánh Thanh tra Xây dựng quận tổ chức họp giao ban đơn vị hàng tuần để kiểm tra, đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và triển khai công tác tuần tới. Hàng tháng, tổ chức giao ban với Thanh tra Xây dựng phường để trao đổi tình hình thực hiện nhiệm vụ, rút kinh nghiệm về công tác chuyên môn, nghiệp vụ và phổ biến các chủ trương, chính sách pháp luật mới của Nhà nước để không ngừng nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ.

Chánh Thanh tra Xây dựng quận có thể tổ chức họp đột xuất đơn vị hoặc với Thanh tra Xây dựng phường để triển khai các công tác theo yêu cầu của cấp trên.

2. Hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng và cuối năm, Thanh tra Xây dựng quận, phường báo cáo sơ, tổng kết công tác và thống kê tình hình thực hiện các quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường và Thanh tra Sở Xây dựng.

Điều 28. Chế độ chính sách đối với Thanh tra Xây dựng quận, phường

1. Thanh tra viên và các chức danh khác được hưởng chế độ tiền lương theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; được hưởng phụ cấp lưu động hệ số 0,6 tiền lương tối thiểu; Thanh tra viên xây dựng được hưởng phụ cấp theo Quyết định số 202/2005/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề đối với Thanh tra viên.

2. Chánh, Phó Chánh Thanh tra Xây dựng quận được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương Trưởng, Phó Trưởng phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận.

3. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phụ trách Thanh tra Xây dựng ngoài việc hưởng lương và phụ cấp theo chức vụ, còn được hưởng phụ cấp như Phó Chánh Thanh tra Xây dựng quận.

4. Thanh tra viên và các chức danh khác khi thi hành công vụ được pháp luật bảo vệ, được khen thưởng và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

5. Thanh tra viên xây dựng và những người được cấp có thẩm quyền điều động làm công tác cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm pháp luật về xây dựng được hưởng 10% lương tối thiểu cho mỗi ngày tham gia.

Chương IX

KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 29. Nguồn kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của Thanh tra Xây dựng quận, phường do ngân sách nhà nước ở địa phương cấp và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Tỷ lệ trích và các khoản chi từ nguồn thu phạt

Đề lại 100% các khoản thu phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật xây dựng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và quản lý sử dụng đất đai cho ngân sách quận và phường để chi cho hoạt động chuyên môn, làm ngoài giờ hành chính, ngày lễ, Tết, thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ khác; mua bổ sung phương tiện, thiết bị kỹ thuật và trích thưởng cho Thanh tra Xây dựng quận và phường. Mức chi cụ thể theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Mức chi thưởng

Căn cứ mức chi thưởng do Ủy ban nhân dân thành phố quy định, Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Thanh tra Xây dựng quận đề xuất trình Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

Chương X

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN

Điều 32. Mối quan hệ công tác của Thanh tra Xây dựng quận

1. Chịu sự thanh kiểm tra của Thanh tra chuyên ngành các Sở chuyên môn thành phố theo quyết định của Giám đốc Sở; được hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn

ng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật và chính sách, quy định mới của sở, ngành có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ.

2. Thường xuyên trao đổi về chuyên môn nghiệp vụ với Thanh tra chuyên ngành các Sở chức năng liên quan thành phố và phối hợp trong công tác kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật theo quy định.

3. Chịu sự lãnh đạo, quản lý toàn diện của Ủy ban nhân dân quận và trực tiếp nhận sự chỉ đạo của Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách quản lý đô thị; báo cáo với các cá nhân có thẩm quyền nêu trên về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Phòng Quản lý Đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu quản lý về đất đai, nhà ở, quy hoạch lộ giới, chỉ giới xây dựng các loại hành lang an toàn và về môi trường trên địa bàn quận, nhằm tạo điều kiện giúp Thanh tra Xây dựng quận hoàn thành tốt nhiệm vụ.

5. Phòng Nội vụ thẩm định và tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bổ nhiệm Chánh, Phó Chánh Thanh tra Xây dựng quận; hồ sơ tuyển dụng và bố trí nhân sự công tác tại Thanh tra Xây dựng quận, phường; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đề xuất Sở Nội vụ bổ nhiệm, miễn nhiệm các ngạch Thanh tra viên theo quy định.

6. Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm hướng dẫn về kinh phí và các chế độ liên quan (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trích thưởng...) bảo đảm cho Thanh tra Xây dựng quận hoạt động có hiệu quả.

7. Phối hợp với Đội Cảnh sát giao thông trật tự - phản ứng nhanh - Công an quận thực hiện chương trình, kế hoạch công tác liên quan trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận.

8. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, các đoàn thể chính trị, tổ chức xã hội quận trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức và cá nhân thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trên các lĩnh vực liên quan đến trật tự xây dựng, trật tự đô thị, vệ sinh môi trường và quản lý xây dựng, đất đai góp phần thực hiện có hiệu quả chủ trương thực hiện nếp sống văn minh đô thị và cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

Điều 33. Mối quan hệ công tác của Thanh tra Xây dựng phường

1. Thanh tra Xây dựng phường giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện mối quan hệ phối hợp với Thanh tra Xây dựng quận trong việc thi hành quyết

định cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận trên địa bàn phường và được sự hướng dẫn nghiệp vụ của Thanh tra Xây dựng quận.

2. Chịu sự lãnh đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân phường và trực tiếp nhận sự chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; báo cáo với Ủy ban nhân dân phường về kết quả thực hiện những mặt công tác đã được phân công.

3. Công an phường hỗ trợ thi hành các quyết định đình chỉ thi công và cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, các đoàn thể và ban, ngành khác thuộc phường có mối quan hệ phối hợp và hỗ trợ công tác trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định.

Khi các tổ chức nêu trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, Thanh tra Xây dựng phường có trách nhiệm giải trình hoặc báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường xem xét giải quyết.

5. Cán bộ địa chính - xây dựng phường có trách nhiệm hướng dẫn, cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu quy định về xây dựng, quy hoạch, lộ giới, chỉ giới các loại hành lang an toàn trên địa bàn nhằm tạo điều kiện giúp Thanh tra Xây dựng phường hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Điều 34. Về thông tin tuyên truyền

Chánh Thanh tra Xây dựng quận kết hợp với Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật quận và Ủy ban nhân dân phường tuyên truyền, phổ biến nội dung Quy chế này và các văn bản pháp luật liên quan; phản ánh kịp thời các trường hợp vi phạm và kết quả xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Quy chế này do Thanh tra Xây dựng quận, phường kiểm tra, phát hiện.

Chương XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Chánh Thanh tra Xây dựng quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường phối hợp với các đơn vị phòng, ban chức năng liên quan quận tổ chức thực hiện tốt Quy chế này.

Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Phòng Quản lý Đô thị, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân 15 phường thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa” hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư xây dựng công trình, nhà ở làm thủ tục xin phép xây dựng, cải tạo, sửa chữa công trình, nhà ở theo quy định pháp luật; tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật về xây dựng.

Điều 36. Trong quá trình thực hiện, Chánh Thanh tra Xây dựng quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường kịp thời báo cáo tình hình thực hiện, những khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc những nội dung chưa phù hợp thông qua Phòng Nội vụ đề xuất Ủy ban nhân dân quận sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp.

Chánh Thanh tra Xây dựng quận chủ trì, phối hợp với Phòng Quản lý Đô thị quận, Phòng Nội vụ tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân quận tổ chức sơ, tổng kết tình hình thực hiện Quy chế này để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Công Nghĩa

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng